

Công ty Cổ phần Rox Key Holdings
(trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại
Dịch vụ TNS Holdings)

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Rox Key Holdings
(trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 39

PH

Công ty Cổ phần Rox Key Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Rox Key Holdings ("Công ty") (trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0106673358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2014 và các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty cũng nhận được các Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần gần nhất là lần thứ 23 ngày 12 tháng 3 năm 2024, trong đó tên của Công ty được đổi thành Công ty Cổ phần Rox Key Holdings.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 25, tòa tháp A, 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 63/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 3 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Trần Xuân Quảng	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2023
Bà Nguyễn Thu Trang	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2023
Bà Phạm Thị Hải Ninh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2023 và miễn nhiệm ngày 6 tháng 1 năm 2024
Ông Nguyễn Việt Sơn	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2023
Ông Bùi Quốc Khánh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên	
Bà Trần Thị Thanh Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2023
Ông Phan Anh Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2023

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Yến	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2023
Bà Trần Thị Thanh Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2023
Bà Nguyễn Thu Trang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2023
Ông Phan Anh Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2023

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Quốc Khánh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 9 năm 2023
Bà Tạ Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 9 năm 2023
Bà Phạm Thị Hải Ninh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 9 năm 2023
Ông Hoàng Minh Tuấn	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	miễn nhiệm ngày 25 tháng 2 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2023
		Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2023

Công ty Cổ phần Rox Key Holdings
(trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày 21 tháng 9 năm 2023 là bà Tạ Thị Thu Hằng; từ ngày 21 tháng 9 năm 2023 đến ngày 10 tháng 1 năm 2024 là ông Bùi Quốc Khánh; và từ ngày 10 tháng 1 năm 2024 đến ngày lập báo cáo này là ông Trần Xuân Quảng, Chủ tịch HĐQT.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Rox Key Holdings
(trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Rox Key Holdings ("Công ty") (trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại thông tư này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đề ngày 15 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:


Trần Xuân Quảng
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 12856035/22964358

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Rox Key Holdings

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Rox Key Holdings (“Công ty”) (trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings) được lập ngày 15 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội



Trịnh Xuân Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2023-004-1

Đào Văn Thích
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3732-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 21 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		986.335.884.272	942.009.775.716
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	224.137.437.950	258.293.820.419
111	1. Tiền		21.137.437.950	258.293.820.419
112	2. Các khoản tương đương tiền		203.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		518.217.757.450	518.217.757.450
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5	518.217.757.450	518.217.757.450
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		243.620.858.372	165.498.197.847
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	6.177.229.676	13.489.474.976
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		7.155.600	45.852.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	21	100.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	137.811.909.343	152.338.307.118
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(375.436.247)	(375.436.247)
140	IV. Hàng tồn kho		359.830.500	-
141	1. Hàng tồn kho		359.830.500	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		308.892.097.818	309.627.151.734
220	I. Tài sản cố định		312.420.825	-
221	1. Tài sản cố định hữu hình		29.571.759	-
222	Nguyên giá		36.500.000	-
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.928.241)	-
227	2. Tài sản cố định vô hình		282.849.066	-
228	Nguyên giá		304.950.000	-
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(22.100.934)	-
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		-	121.980.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	121.980.000
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	8	308.504.604.628	309.316.445.805
251	1. Đầu tư vào công ty con		309.316.445.805	309.316.445.805
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		34.500.000.000	34.500.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(35.311.841.177)	(34.500.000.000)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		75.072.365	188.725.929
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		75.072.365	188.725.929
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.295.227.982.090	1.251.636.927.450

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		546.665.686.660	570.404.412.325
310	I. Nợ ngắn hạn		55.865.686.660	79.604.412.325
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		591.552.552	614.899.552
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	429.257.168	467.948.822
314	3. Phải trả người lao động		111.097.997	24.927.677
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	10	11.762.818.918	14.568.391.742
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	11	42.970.960.025	63.928.244.532
330	II. Nợ dài hạn		490.800.000.000	490.800.000.000
338	1. Vay và nợ dài hạn	12	490.800.000.000	490.800.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		748.562.295.430	681.232.515.125
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	748.562.295.430	681.232.515.125
411	1. Vốn cổ phần		496.659.500.000	431.880.870.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		496.659.500.000	431.880.870.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		225.568.103.409	225.568.103.409
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		26.334.692.021	23.783.541.716
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	3.002.921.355
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		26.334.692.021	20.780.620.361
430	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.295.227.982.090	1.251.636.927.450

Nguyễn Thị Thảo
Người lập biểu

Nguyễn Thị Kim Liên
Kế toán trưởng



Trần Xuân Quảng
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	14	8.911.452.770	9.355.073.372
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	14	-	-
10	3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	14	8.911.452.770	9.355.073.372
11	4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	15	(8.911.452.770)	(9.355.073.372)
20	5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		-	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	143.495.493.567	198.399.959.706
22	7. Chi phí tài chính	17	(49.832.037.188)	(86.172.121.834)
23	Trong đó: chi phí lãi trái phiếu, lãi vay		(48.933.430.175)	(51.213.173.470)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(4.644.890.780)	(5.100.029.569)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		89.018.565.599	107.127.808.303
31	10. Thu nhập khác		17.655.239	28.322.059
32	11. Chi phí khác		(112.397.033)	(2.010.001)
40	12. (Lỗ)/lợi nhuận khác		(94.741.794)	26.312.058
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		88.923.823.805	107.154.120.361
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.1	-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		88.923.823.805	107.154.120.361

Nguyễn Thị Thảo
Người lập biểu

Nguyễn Thị Kim Liên
Kế toán trưởng



Trần Xuân Quảng
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		88.923.823.805	107.154.120.361
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định		29.029.175	-
03	Các khoản dự phòng		811.841.177	34.875.436.247
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	16	(143.495.493.567)	(157.961.845.206)
06	Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	17	48.933.430.175	51.213.173.470
08	(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(4.797.369.235)	35.280.884.872
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		20.981.518.579	(193.152.326.887)
10	Tăng hàng tồn kho		(359.830.500)	-
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(20.922.841.397)	3.695.276.515
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		113.653.564	(23.777.732)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		-	138.550.000.000
14	Tiền lãi vay đã trả		(51.847.675.068)	(58.430.989.947)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(56.832.544.057)	(74.080.933.179)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(219.470.000)	(121.980.000)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(280.000.000.000)	(318.017.520.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		180.000.000.000	348.017.520.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	95.900.000.000
27	Lãi tiền gửi và cổ tức được chia		144.391.314.463	197.050.603.603
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		44.171.844.463	322.828.623.603
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		-	490.800.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(490.800.000.000)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(21.495.682.875)	(17.216.319.825)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(21.495.682.875)	(17.216.319.825)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(34.156.382.469)	231.531.370.599
60	Tiền đầu năm		258.293.820.419	26.762.449.820
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	224.137.437.950	258.293.820.419

Nguyễn Thị Thảo
Người lập biểu

Nguyễn Thị Kim Liên
Kế toán trưởng



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Rox Key Holdings (“Công ty”) (trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0106673358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2014 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty cũng nhận được các Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần gần nhất là lần thứ 23 ngày 12 tháng 3 năm 2024, trong đó tên của Công ty được đổi thành Công ty Cổ phần Rox Key Holdings.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 25, tòa tháp A, số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 63/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 3 năm 2019.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 29 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 24 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 5 công ty con trực tiếp. Thông tin chi tiết về các công ty con trực tiếp và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management	99,62%	99,62%	Tầng 25, tòa tháp A, số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản
2	Công ty Cổ phần Thương mại & Tư vấn Đầu thầu, Thẩm định giá	51%	51%	Tầng 24, tòa tháp A, số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
3	Công ty Cổ phần TNTech	99,51%	99,51%	Tầng 21, tòa tháp A, số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ và giải pháp công nghệ thông tin
4	Công ty Cổ phần Quản trị Nguồn nhân lực TNTalent	99%	99%	Tầng 26, tòa tháp A, số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Cung cấp các dịch vụ tuyển dụng, cho thuê nhân sự, tư vấn chiến lược nhân sự, đào tạo, xây dựng chính sách lương và chế độ phúc lợi
5	Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý dự án Xây dựng MANPRO	51%	51%	Số 411, đường Tam Trinh, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án các công trình xây dựng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty cũng có 4 công ty con được đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management. Thông tin chi tiết về các công ty con gián tiếp và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con gián tiếp này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp C-One	94,75%	94,39%	Tầng 8, tòa nhà VID Tower, số 115 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	Dịch vụ vệ sinh, làm sạch chuyên nghiệp
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt	99,75%	99,37%	Số 60 Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bảo vệ
3	Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-One	100%	99,62%	Tầng 2, tòa tháp A, tòa nhà Sky Tower, số 88 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bảo vệ
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý vận hành Khu công nghiệp IMC	99,75%	99,37%	Lô số 7 nhà điều hành khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 8. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại thông tư này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đề ngày 15 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí có liên quan khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

...
Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định là chi phí mua và các chi phí có liên quan theo phương pháp thực tế đích danh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm máy tính	10 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và cung cấp cho khách hàng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn khoản đầu tư. Thu nhập này được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện và hoàn thành.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.14 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc thực hiện và quản lý các khoản đầu tư tài chính và được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận trên báo cáo tài chính riêng.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	337.500.000	337.500.000
Tiền gửi ngân hàng	20.799.937.950	257.956.320.419
Các khoản tương đương tiền (*)	203.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	224.137.437.950	258.293.820.419

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm khoản tiền gửi bằng VND tại ngân hàng thương mại, có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất 2,5%/năm.

5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Đơn vị tính: VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
Ngân hàng						
TMCP Hàng						
Hải Việt Nam	518.217.757.450	632.122.829.000	-	518.217.757.450	607.810.412.500	-
TỔNG CỘNG	518.217.757.450	632.122.829.000	-	518.217.757.450	607.810.412.500	-

(*) Giá trị hợp lý của cổ phiếu Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 được xác định bằng trị giá của cổ phiếu vào thời điểm đóng cửa phiên giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc năm tài chính, với giá cổ phiếu là 13.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 12.500 VND/cổ phiếu).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khác	25.000.000	25.000.000
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	6.152.229.676	13.464.474.976
TỔNG CỘNG	6.177.229.676	13.489.474.976

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu lãi cho vay	415.287.671	1.326.108.567
Phải thu khác	392.554.114	416.120.669
Phải thu khác các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	137.004.067.558	150.596.077.882
TỔNG CỘNG	137.811.909.343	152.338.307.118
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<i>(375.436.247)</i>	<i>(375.436.247)</i>

Công ty Cổ phần Rox Key Holdings
(trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	
Đầu tư vào công ty con	309.316.445.805	(811.841.177)	(*) 309.316.445.805	-	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	34.500.000.000	(34.500.000.000)	(*) 34.500.000.000	(34.500.000.000)	(*)
TỔNG CỘNG	343.816.445.805	(35.311.841.177)	343.816.445.805	(34.500.000.000)	

8.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	
Công ty Cổ phần TNTech	209.300.000.000	-	(*)	209.300.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Tư vấn và Quản lý Dự án Xây dựng MANPRO	30.345.000.000	-	(*)	30.345.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Quản trị Nguồn nhân lực TNTalent	29.700.000.000	-	(*)	29.700.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management	37.421.445.805	-	(*)	37.421.445.805	(*)
Công ty Cổ phần Thương mại & Tư vấn Đấu thầu, Thẩm định giá	2.550.000.000	(811.841.177)	(*)	2.550.000.000	(*)
TỔNG CỘNG	309.316.445.805	(811.841.177)		309.316.445.805	

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

Thông tin về tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong các công ty con được trình bày ở Thuyết minh số 1.

Công ty Cổ phần Rox Key Holdings
(trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

8.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	
Công ty Cổ phần Nền tảng số BAAS (i)	3.450.000	34.500.000.000	(34.500.000.000)	(*)	3.450.000	34.500.000.000	(34.500.000.000)
TỔNG CỘNG		34.500.000.000	(34.500.000.000)		34.500.000.000	(34.500.000.000)	

(i) Công ty Cổ phần Nền tảng số BAAS (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ và Nền tảng Tài chính Kỹ thuật số TNEEX) hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109602813 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 20 tháng 4 năm 2021, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 ngày 31 tháng 8 năm 2023. Công ty này có trụ sở chính tại tầng 7, tòa nhà TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và hoạt động chính trong năm là cung cấp dịch vụ lập trình và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính.

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong công ty này như sau:

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Nền tảng số BAAS (**)	8,41%	8,41%	15,00%	15,00%

(**) Tại ngày 21 tháng 12 năm 2023, Công ty Cổ phần Nền tảng số BAAS đã thực hiện tăng vốn điều lệ và Công ty không thực hiện góp vốn bổ sung, do vậy tỉ lệ sở hữu của Công ty tại đơn vị này giảm từ 15% xuống 8,41%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế thu nhập cá nhân	328.046.312	1.950.836.164	(2.009.660.887)	269.221.589
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	139.902.510	724.361.810	(704.228.741)	160.035.579
Các loại thuế khác	-	3.748.000	(3.748.000)	-
TỔNG CỘNG	<u>467.948.822</u>	<u>2.678.945.974</u>	<u>(2.717.637.628)</u>	<u>429.257.168</u>

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Lãi trái phiếu	11.654.146.849	14.568.391.742
Các khoản phải trả khác	108.672.069	-
TỔNG CỘNG	<u>11.762.818.918</u>	<u>14.568.391.742</u>

11. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ tức phải trả	210.989.775	112.629.150
Các khoản phải trả khác	166.874.281	150.597.958
Phải trả khác các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	42.593.095.969	63.665.017.424
TỔNG CỘNG	<u>42.970.960.025</u>	<u>63.928.244.532</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. VAY DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>
	<i>Giá trị, đồng thời là số có khả năng trả nợ</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Giá trị, đồng thời là số có khả năng trả nợ</i>
Vay dài hạn				
Trái phiếu phát hành (i)	490.800.000.000	-	-	490.800.000.000
TỔNG CỘNG	490.800.000.000	-	-	490.800.000.000

- (i) Đây là giá trị 4.908.000 trái phiếu không có tài sản đảm bảo, kỳ hạn là 36 tháng với khoản trái phiếu cuối cùng đáo hạn vào ngày 15 tháng 3 năm 2025. Lãi trái phiếu được trả định kỳ 6 tháng/lần cho năm đầu tiên với lãi suất là 10%/năm và được trả hàng năm cho các năm tiếp theo với lãi suất tham chiếu + 3%/năm.

Vào ngày 5 tháng 7 năm 2022, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 451/QĐ-SGDHN chấp thuận niêm yết 4.908.000 trái phiếu nêu trên với mã chứng khoán TN1122016.

Công ty Cổ phần Rox Key Holdings
(trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

13.1 Tình hình tăng/(giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Năm trước				
Số đầu năm	345.507.370.000	225.568.103.409	20.278.289.855	591.353.763.264
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	86.373.500.000	-	(86.373.500.000)	-
- Chia cổ tức bằng tiền	-	-	(17.275.368.500)	(17.275.368.500)
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	107.154.120.361	107.154.120.361
Số cuối năm	431.880.870.000	225.568.103.409	23.783.541.716	681.232.515.125
Năm nay				
Số đầu năm	431.880.870.000	225.568.103.409	23.783.541.716	681.232.515.125
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu (**)	64.778.630.000	-	(64.778.630.000)	-
- Chia cổ tức bằng tiền (*)	-	-	(21.594.043.500)	(21.594.043.500)
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	88.923.823.805	88.923.823.805
Số cuối năm	496.659.500.000	225.568.103.409	26.334.692.021	748.562.295.430

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 01/2023/NQ-DHĐCĐ ("Nghị quyết số 01") ngày 26 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2022 bằng tiền theo tỷ lệ chi trả là 5%.

(**) Cũng theo Nghị quyết số 01, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế lũy kế đến hết năm 2022 với tỷ lệ chi trả là 15%/cổ phiếu. Trong tháng 8 năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành bổ sung 6.477.863 cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

13.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sao Hôm	292.746.300.000	59%	254.562.000.000	59%
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT	58.061.340.000	12%	50.488.130.000	12%
Các cổ đông khác	145.851.860.000	29%	126.830.740.000	29%
TỔNG CỘNG	496.659.500.000	100%	431.880.870.000	100%

13.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	431.880.870.000	345.507.370.000
Tăng vốn trong năm	64.778.630.000	86.373.500.000
Số cuối năm	496.659.500.000	431.880.870.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	86.372.673.500	103.648.868.500
Cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2022: 15 cổ phiếu/100 cổ phiếu hiện hữu	64.778.630.000	-
Cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2021: 25 cổ phiếu/100 cổ phiếu hiện hữu	-	86.373.500.000
Cổ tức bằng tiền cho năm 2022: 500 VND/cổ phiếu	21.594.043.500	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2021: 500 VND/cổ phiếu	-	17.275.368.500
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	86.274.312.875	105.576.556.250
Cổ tức bằng tiền cho năm 2020 trở về trước	-	1.986.850.425
Cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2021	-	86.373.500.000
Cổ tức bằng tiền cho năm 2021	-	17.216.205.825
Cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2022	64.778.630.000	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2022	21.495.682.875	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

13.4 Cổ phiếu

	<i>Số lượng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu đăng ký phát hành	49.665.950	43.188.087
Cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	49.665.950	43.188.087
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	49.665.950	43.188.087
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu).

14. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	8.911.452.770	9.355.073.372
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	8.911.452.770	9.355.073.372
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	8.911.452.770	9.355.073.372
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 21)</i>	8.911.452.770	9.355.073.372

15. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.911.452.770	9.355.073.372
TỔNG CỘNG	8.911.452.770	9.355.073.372

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức được chia	113.692.718.250	146.333.676.018
Lãi đầu tư chứng khoán kinh doanh	-	40.438.114.500
Lãi tiền gửi và cho vay	27.828.650.441	11.058.033.596
Lãi quản lý vốn	1.974.124.876	570.135.592
TỔNG CỘNG	<u>143.495.493.567</u>	<u>198.399.959.706</u>

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi trái phiếu	48.933.430.175	39.264.000.002
Dự phòng đầu tư tài chính	811.841.177	34.500.000.000
Lãi vay	-	11.949.173.468
Chi phí khác	86.765.836	458.948.364
TỔNG CỘNG	<u>49.832.037.188</u>	<u>86.172.121.834</u>

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân công	2.947.879.524	3.062.595.630
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.227.261.497	1.363.042.577
Chi phí khác	469.749.759	674.391.362
TỔNG CỘNG	<u>4.644.890.780</u>	<u>5.100.029.569</u>

19. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân công	11.504.365.054	11.221.296.502
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.658.889.248	2.291.539.166
Chi phí nguyên vật liệu	96.584.178	84.874.616
Chi phí khác	296.505.070	857.392.657
TỔNG CỘNG	<u>13.556.343.550</u>	<u>14.455.102.941</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty trong năm 2023 là 20% lợi nhuận chịu thuế (năm 2022: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

20.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận thuần kế toán trước thuế	88.923.823.805	107.154.120.361
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	17.784.764.761	21.430.824.072
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(22.738.543.650)	(29.266.735.204)
Chi phí không được khấu trừ	22.479.407	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận cho lỗ tính thuế	4.931.299.482	7.835.911.132
Chi phí thuế TNDN	-	-

20.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

20.3 Thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2023	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2023
2018	2023	1.028.678.076	-	1.028.678.076	-
2019	2024	4.143.690.275	-	-	4.143.690.275
2020	2025	5.910.541.970	-	-	5.910.541.970
2022	2027	39.179.555.660	-	-	39.179.555.660
2023	2028	24.656.497.412	-	-	24.656.497.412
TỔNG CỘNG		74.918.963.393	-	1.028.678.076	73.890.285.317

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo các tờ khai thuế của Công ty và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn ROX (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư TNG Holdings Việt Nam)	Công ty mẹ cấp cao nhất
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sao Hôm	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại & Tư vấn Đầu thầu, Thẩm định giá	Công ty con
Công ty Cổ phần TNTech	Công ty con
Công ty Cổ phần Quản trị Nguồn nhân lực TNTalent	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án Xây dựng MANPRO	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp C-One	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-ONE	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý vận hành Khu công nghiệp IMC	Công ty con
Công ty Cổ phần Nền tảng số BAAS	Cùng thành viên HĐQT (bên liên quan từ ngày 26 tháng 12 năm 2023)
Công ty Cổ phần Năng lượng TNPower	Cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng ROX CONS Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng TNCONS Việt Nam)	Cùng thành viên HĐQT (bên liên quan đến ngày 1 tháng 12 năm 2023)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Cho thuê tài sản TNL	Cùng người đại diện pháp luật (bên liên quan đến ngày 21 tháng 9 năm 2023)
Công ty Cổ phần Sông Hồng	Cùng người đại diện pháp luật (bên liên quan đến ngày 1 tháng 3 năm 2023)
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây dựng Hưng Thịnh	Bên liên quan khác (đến ngày 17 tháng 5 năm 2023)
Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Trường Tiền	Bên liên quan khác (đến ngày 21 tháng 9 năm 2023)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Việt Nam Gateway	Bên liên quan khác (đến ngày 21 tháng 9 năm 2023)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý khách sạn TNH	Cùng thành viên HĐQT (bên liên quan từ ngày 21 tháng 9 năm 2023)
Công ty Cổ phần Phát triển Hà Nam	Cùng thành viên HĐQT (bên liên quan từ ngày 21 tháng 9 năm 2023 đến ngày 17 tháng 12 năm 2023)
Công ty Cổ phần Tin học – Điện tử Nam Định	Cùng thành viên HĐQT (bên liên quan từ ngày 21 tháng 9 năm 2023)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý khách sạn TNH Việt Trì	Cùng thành viên HĐQT (bên liên quan từ ngày 21 tháng 9 năm 2023)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý khách sạn TNH Cần Thơ	Cùng thành viên HĐQT (bên liên quan từ ngày 21 tháng 9 năm 2023)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý khách sạn TNH Hà Tĩnh	Cùng thành viên HĐQT (bên liên quan từ ngày 21 tháng 9 năm 2023)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý khách sạn TNH Tây Ninh	Cùng thành viên HĐQT (bên liên quan từ ngày 21 tháng 9 năm 2023)
Công ty Cổ phần Du lịch Bắc Giang	Cùng thành viên HĐQT (bên liên quan từ ngày 21 tháng 9 năm 2023)
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	Cùng thành viên HĐQT (bên liên quan từ ngày 26 tháng 12 năm 2023)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Các cá nhân là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã được trình bày tại mục Thông tin chung.

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management	Công ty con	Cổ tức được chia	78.342.413.250	146.333.676.018
		Mua cổ phần	-	10.247.500.000
		Chuyển nhượng cổ phần	-	2.000.000.000
		Cung cấp dịch vụ	6.327.131.468	7.266.355.476
		Cho vay	100.000.000.000	-
		Lãi cho vay	6.213.698.630	-
		Lãi điều chuyển vốn tập trung	117.501.109	-
		Thanh toán vốn tập trung	119.512.443.572	230.075.929.249
		Nhận điều chuyển vốn tập trung	154.969.101.849	162.209.970.796
		Mua cổ phần	-	10.247.500.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt	Công ty con	Chuyển nhượng cổ phần	-	2.000.000.000
		Cung cấp dịch vụ	1.668.683.672	1.612.200.961
		Thanh toán vốn tập trung	189.168.160.260	167.604.169.542
		Nhận điều chuyển vốn tập trung	176.071.323.967	157.110.828.200
Công ty cổ phần TNTalent	Công ty con	Lãi điều chuyển vốn tập trung	264.380.063	-
		Cổ tức được chia	4.950.000.000	-
		Thanh toán vốn tập trung	5.000.000.000	880.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp C-One	Công ty con	Nhận điều chuyển vốn tập trung	2.200.000.000	13.000.000.000
		Cung cấp dịch vụ	915.637.630	476.516.935
		Thanh toán vốn tập trung	40.191.497.726	37.095.592.014
Công ty Cổ phần TNTech	Công ty con	Nhận điều chuyển vốn tập trung	44.125.386.550	45.924.079.309
		Cổ tức được chia	30.400.305.000	-
		Thanh toán vốn tập trung	103.834.832.360	105.500.871.685
		Nhận điều chuyển vốn tập trung	91.674.642.709	67.734.706.305
		Lãi quản lý vốn tập trung	567.580.040	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án Xây dựng MANPRO	Công ty con	Thanh toán vốn tập trung	75.046.148.000	91.842.522.663
		Nhận điều chuyển vốn tập trung	90.177.369.727	36.926.601.629
		Lãi điều chuyển vốn tập trung	807.027.572	-
Công ty Cổ phần Thương mại & tư vấn Đấu thầu, Thẩm định giá	Công ty con	Thanh toán vốn tập trung	30.142.929.675	23.728.888.758
		Nhận điều chuyển vốn tập trung	24.496.245.881	12.327.955.267
		Lãi điều chuyển vốn tập trung	192.714.558	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ quản lý vận hành khu công nghiệp IMC	Công ty con	Thanh toán vốn tập trung	10.750.000.000	9.000.000.000
		Nhận điều chuyển vốn tập trung	1.700.000.000	9.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-one	Công ty con	Thanh toán vốn tập trung	14.000.000.000	-
		Nhận điều chuyển vốn tập trung	2.878.680.907	17.087.063.029
Công ty Cổ phần Năng lượng TNPOWER	Cùng thành viên HĐQT	Trả gốc và lãi vay	-	203.965.863.014
		Lãi vay	-	4.616.986.301
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây dựng Hưng Thịnh	Bên liên quan khác (bên liên quan đến ngày 17 tháng 5 năm 2023)	Thu tiền mua trái phiếu	-	261.800.000.000
		Chuyển tiền hợp đồng hợp tác kinh doanh	70.000.000.000	-
		Thu hồi tiền hợp đồng hợp tác kinh doanh	64.500.000.000	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Công ty và các công ty con cũng ký kết và thực hiện các hợp đồng dịch vụ quản lý, thu xếp vốn tập trung. Theo đó, dựa trên nhu cầu và nguồn vốn nhân rồi tại từng đơn vị, Công ty có thể cấp hoặc nhận nguồn vốn nhân rồi từ các công ty con nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn với chi phí thấp nhất. Lãi suất từ việc nhận và sử dụng nguồn vốn nhân rồi căn cứ theo từng hợp đồng được ký kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 không cần bảo đảm, không tính lãi và sẽ được thanh toán bằng tiền. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (năm 2022: 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên có liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 6)				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management	Công ty con	Phải thu từ cung cấp dịch vụ	3.463.882.889	10.117.383.889
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt	Công ty con	Phải thu từ cung cấp dịch vụ	1.233.064.861	2.374.841.926
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp C-One	Công ty con	Phải thu từ cung cấp dịch vụ	1.398.421.622	915.388.857
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-one	Công ty con	Phải thu từ cung cấp dịch vụ	56.860.304	56.860.304
TỔNG CỘNG			6.152.229.676	13.464.474.976

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên có liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần TNTech	Công ty con	Phải thu từ quản lý vốn tập trung	50.086.371.792	37.363.762.209
Công ty Cổ phần Tư vấn và Quản lý Dự án Xây dựng MANPRO	Công ty con	Phải thu từ quản lý vốn tập trung	40.854.851.759	55.179.045.914
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt	Công ty con	Phải thu từ quản lý vốn tập trung	15.007.352.472	21.954.368.639
Công ty Cổ phần Thương mại & tư vấn Đấu thầu, Thẩm định giá	Công ty con	Phải thu từ quản lý vốn tập trung	15.459.901.795	9.620.503.443
Công ty Cổ phần Dịch vụ quản lý vận hành khu công nghiệp IMC	Công ty con	Phải thu từ quản lý vốn tập trung	9.074.921.534	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management	Công ty con	Phải thu từ lãi cho vay và lãi quản lý vốn tập trung	6.520.668.206	26.478.397.677
TỔNG CỘNG			137.004.067.558	150.596.077.882
Phải thu về cho vay (Mã số 135)				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management	Công ty con	Phải thu về cho vay (*)	100.000.000.000	-
TỔNG CỘNG			100.000.000.000	-

(*) Đây là khoản phải thu về cho vay với lãi suất là 8% từ ngày 9 tháng 6 năm 2023, điều chỉnh sau đó thành 11.5%/năm từ ngày 1 tháng 7 năm 2023 và đáo hạn vào ngày 9 tháng 6 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên có liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 11)				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp C-One	Công ty con	Phải trả từ quản lý vốn tập trung	17.917.257.762	13.956.716.231
Công ty Cổ phần Quản trị Nguồn nhân lực TNTalent	Công ty con	Phải trả từ quản lý vốn tập trung	9.333.351.296	12.125.761.316
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management	Công ty con	Phải trả từ quản lý vốn tập trung	9.174.198.939	-
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-One	Công ty con	Phải trả từ quản lý vốn tập trung	6.168.287.972	17.288.645.888
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt	Công ty con	Phải trả từ quản lý vốn tập trung	-	20.274.802.809
Các đối tượng khác	Bên liên quan khác	Các khoản phải trả khác	-	19.091.180
TỔNG CỘNG			42.593.095.969	63.665.017.424

Vay dài hạn

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty Cổ phần Bất động sản Xây dựng Hưng Thịnh (một bên liên quan của công ty đến hết ngày 17 tháng 5 năm 2023) nắm giữ 518.000 trái phiếu tương đương 51.800.000.000 VND được phát hành bởi Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 12.

Ngoài các số dư với các bên liên quan nêu trên, vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty cũng có các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, một bên liên quan khác của Công ty và các khoản chứng khoán kinh doanh là cổ phiếu của ngân hàng này như được trình bày tại các Thuyết minh số 4 và Thuyết minh số 5.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") và Ủy ban Kiểm toán trong năm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>			
<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Bà Nguyễn Thu Trang	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 26 tháng 12 năm 2023)	731.383.818	691.186.752
Ông Nguyễn Việt Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT (đến ngày 26 tháng 12 năm 2023)	305.806.544	115.793.778
Ông Phan Anh Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT (đến ngày 26 tháng 12 năm 2023)	220.762.852	207.692.303
Ông Bùi Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	220.864.426	215.384.610
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên độc lập HĐQT/Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	210.987.068	194.285.710
TỔNG CỘNG		1.689.804.708	1.424.343.153

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong năm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>			
<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Bà Tạ Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc (đến ngày 21 tháng 9 năm 2023)	1.681.356.163	934.862.930
Ông Nguyễn Việt Sơn	Tổng Giám đốc (đến ngày 23 tháng 6 năm 2022)	-	1.516.809.186
Bà Phạm Thị Hải Ninh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 21 tháng 9 năm 2023 đến ngày 26 tháng 2 năm 2024)	241.758.242	-
Ông Hoàng Minh Tuấn	Giám đốc Tài chính/Kế toán trưởng (đến ngày 25 tháng 9 năm 2023)	530.387.564	171.110.012
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Giám đốc Tài chính/Kế toán trưởng (từ ngày 25 tháng 9 năm 2023)	211.253.148	-
Bà Phạm Thị Tâm Dung	Giám đốc Tài chính (đến ngày 20 tháng 7 năm 2022)	-	532.598.560
TỔNG CỘNG		2.664.755.117	3.155.380.688

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Căn cứ theo Nghị quyết số 2102/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 2 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Tư vấn và Quản lý Khách sạn Sojo với số tiền là 99.950.000.000 VND, tương đương với 99,95% vốn điều lệ của công ty này. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng này, Công ty Cổ phần Tư vấn và Quản lý Khách sạn Sojo đã được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0110645963 ngày 12 tháng 3 năm 2024 với hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh vận hành khách sạn.

Vào ngày 12 tháng 3 năm 2024, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0106673358 điều chỉnh lần thứ 23, trong đó Công ty được đổi tên từ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings thành Công ty Cổ phần Rox Key Holdings.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Nguyễn Thị Thảo
Người lập biểu



Nguyễn Thị Kim Liên
Kế toán trưởng



Trần Xuân Quảng
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2024